**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN HÓA HỌC 9 BÀI 50:**

**GLUCOZƠ**

**Câu 1:**  Trong chế tạo ruột phích người ta thường dùng phương pháp nào sau đây:

**A.** Cho axetilen tác dụng với dung dịch AgNO3/NH3

**B.** Cho anđehit fomic tác dụng với dung dịch AgNO3/NH3

**C.** Cho axit fomic tác dụng với dung dịch AgNO3/NH3

**D.** Cho glucozơ tác dụng với dung dịch AgNO3/NH3

**Câu 2:**  Glucozo không thuộc loại :

**A.**  hợp chất tạp chức. **B.**  cacbohidrat.

**C.**  monosaccarit. **D.** đisaccarit.

**Câu 3:**  Phát biểu nào sau đây không đúng ?

**A.** Glucozơ tác dụng được với nước brom.

**B.** Khi glucozơ tác dụng với CH3COOH (dư) cho este 5 chức.

**C.** Glucozơ tồn tại ở dạng mạch hở và dạng mạch vòng.

**D.** Ở dạng mạch hở, glucozơ có 5 nhóm OH kề nhau.

**Câu 4:**  Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với

**A.** Kim loại Na

**B.** Cu(OH)2ở nhiệt độ thường

**C.** AgNO3 (hoặc Ag2O) trong dung dịch NH3, đun nóng

**D.** Cu(OH)2 trong NaOH, đun nóng

**Câu 5:**  Đun nóng dung dịch chứa 27g glucozo với dd AgNO3/NH3 thì khối lượng Ag thu được tối đa

**A.**  21,6g. **B.**  10,8g. **C.**  32,4g **D.**  16,2g.

**Câu 6:**  Cho 3 chất: Glucozơ, axit axetic, glixerol. Để phân biệt 3 chất trên chỉ cần dùng 2 hoá chất là

**A.** Dung dịch Na2CO3 và Na **B.** Ag2O/dd NH3 và quỳ tím

**C.** Dung dịch NaHCO3 và dung dịch AgNO3 **D.** Quỳ tím và Na

**Câu 7:**  Từ glucozo, điều chế cao su buna theo sơ đồ sau đây: glucozo → rượu etylic →butadien1,3→caosubuna. Hiệu suất của quá trình điều chế là 75%, muốn thu được 32,4kg cao su thì khối lượng glucoz cần dùng là :

**A.**  144kg **B.**  108kg. **C.**  81kg. **D.**  96kg.

**Câu 8:**  Phản ứng nào sau đây không tạo ra glucozơ:

**A.** Lục hợp HCHO xúc tác Ca(OH)2 **B.** Tam hợp CH3CHO

**C.** Thủy phân mantozơ **D.** Thủy phân saccarozơ

**Câu 9:**  Cho 50ml dd glucoz chưa rõ nồng độ, tác dụng với một lượng dư dd AgNO3/ NH3 thu được 2,16g kết tủa bạc. Nồng độ mol của dd đã dùng là:

**A.**  0,2M **B.**  0,1M **C.**  0,01M. **D.**  0,02M

**Câu 10:**  Cho các phản ứng sau:  
1) HOCH2-(CHOH)4-CHO + Ag2O → HOCH2-(CHOH)4-COOH + 2Ag  
2) HOCH2-(CHOH)4-CHO + H2 →  HOCH2-(CHOH)4CH2OH  
3) HOCH­2-(CHOH)4-CHO → 2C2H5OH + 2CO2  
Những phản ứng nào sau đây để phát hiện glucozo trong nước tiểu người bệnh đái tháo đường

**A.**  (1; 3) **B.**  (1; 4) **C.**  (2; 3) **D.**  (1)

**Câu 11:**  Cho a g glucozo lên men thành rượu etylic với hiệu suất 67,5 % . Khí thoát ra được hấp thụ vừa hết bởi 100 ml dung dịch NaOH 20 % ( d= 1,2 g/ml ) sản phẩm thu được là muối NaHCO3 . Vậy giá trị a là :

**A.** 36 g **B.** 90 g **C.** 80 g **D.** 4

**Câu 12:**  Đun 20ml dung dịch glucozơ với 1 lượng dư Ag2O người ta thấy sinh ra 1,08g bạc. Nồng độ mol/l của dung dịch glucozơ là:

**A.** 0.25M **B.** 0.2M **C.** 0.5M **D.** 2.5M

**Câu 13:**  Khi lên men glucozơ, người ta thấy thoát ra 22,4 lít khí CO2 ở đktc. Biết hiệu suất của quá trình lên men là 90%. Khối lượng glucozơ đã lấy lúc ban đầu là:

**A.** 8,1g **B.** 81g **C.** 0,81g **D.** 810g

**Câu 14:**  Để điều chế rượu etylic, một nhà khoa học đã cho lên men 54g glucozơ và tiến hành thí nghiệm tại 300 – 320C. Biết rằng phản ứng xảy ra hoàn toàn. Do đó, khối lượng rượu etylic thu được

**A.** 1,38 g **B.** 2,76 g **C.** 27,6 g **D.** 13,8 g

**Câu 15:**  Hiđro hoá hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm glucozơ và fructozơ cần phải dùng 4,48lít khí H2 ở đktc. Mặt khác, cũng m gam hỗn hợp này tác dụng vừa hết với 8 gam Br2 trong dung dịch. Số mol của glucozơ và fructozơ trong m gam hỗn hợp này lần lượt là:

**A.** 0,05mol và 0,15mol **B.** 0,05mol và 0,35mol

**C.** 0,1mol và 0,15mol **D.** 0,2mol và 0,2mol

**Câu 16:**  Lên men m gam glucozơ với hiệu suất 90%, lượng khí CO2 sinh ra hấp thụ hết vào nước vôi trong, thu được 10 gam kết tủa. Khối lượng dung dịch sau phản ứng giảm 3,4 gam so với khối lượng ban đầu. Giá trị của m là

**A.** 13,5. **B.** 30,0. **C.** 15,0. **D.** 20,0.

**Câu 17:**  Đun nóng 27 gam glucozơ với AgNO3/NH3 dư. Lọc lấy Ag rồi cho vào dung dịch HNO3 đặc nóng, dư thì sau phản ứng thu được khí NO2 (sản phẩm khử duy nhất) và khối lượng dung dịch axit tăng a gam. Giả sử các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là

**A.** 18,6. **B.** 32,4. **C.** 16,2. **D.** 9,3.

**Câu 18:**  Cho một lượng glucozơ lên men để điều chế ancol etylic, khí CO2 sinh ra được dẫn vào nước vôi trong có dư, thu được 80 gam một kết tủa. Hiệu suất phản ứng lên men là 80%. Khối lượng ancol etylic thu được là:

**A.** 14 gam **B.** 29,44 gam **C.** 15 gam **D.** 20,72 gam

**Câu 19:**  Một bạn sinh viên rửa sạch ống nghiệm và đem thực hiện phản ứng tráng gương. Sau khi phản ứng kết thúc đem ống nghiêm sấy khô và cân thì khối lượng ống nghiệm tăng 2,16 gam so với ban đầu. Khối lượng glucozơ  tham gia phản ứng là:

**A.** 2 gam **B.** 3 gam **C.** 1,8 gam **D.** 2,5 gam

**Câu 20:**  Đun dung dịch chứa 27 gam glucozơ với bạc oxit trong dung dịch NH3, thấy bạc kim loại bị tách ra. Khối lượng bạc kim loại thu được là bao nhiêu (nếu hiệu suất phản ứng là 75%)?

**A.** 24,3 gam **B.** 23,4 gam **C.** 32,4 gam **D.** 34,2 gam

-----------------------------------------------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐA** | **CÂU** | **ĐA** | **CÂU** | **ĐA** | **CÂU** | **ĐA** |
| 1 | D | 6 | B | 11 | C | 16 | C |
| 2 | D | 7 | A | 12 | A | 17 | A |
| 3 | B | 8 | B | 13 | B | 18 | B |
| 4 | A | 9 | A | 14 | D | 19 | A |
| 5 | C | 10 | D | 15 | A | 20 | A |